

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
Tuần 39: từ ngày 05/05/2025 đến ngày 11/05/2025

THỨ LỚP	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY					
K9-KTDN K10-KTDN P.303	Sáng Tiếng anh (Linh)	Sinh hoạt lớp 1 GD chính trị (Thắm) 4	GDTC (Hà) 4	GD chính trị (Thắm) 4	Tiếng anh (Linh) 4
K9-DVTY K10-DVTY P.303	Sáng Tiếng anh (Linh)	Tiếng anh (Linh) 4 GD chính trị (Thắm) 4	GDTC (Hà) 4 Pháp luật (Nga) 4	GD chính trị (Thắm) 4	Tin học (Hà) 4 Tiếng anh (Linh) 4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY					
TT63A1 P.203	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Thực tập cơ bản (Bình) 3	Thực tập cơ bản (Bình) 4	Thực tập cơ bản (Bình) 4	Thực tập cơ bản (Bình) 4
CNTY63A3 P.302	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Ngoại sản (Lệ) 3	KTNPTB cho trâu bò 2 (Vân)	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4 KT thịt và các SP khác (Quyên) 4	Ngoại sản (Lệ) 4
CNTY63A4 P.205	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp 1 KTNPTB cho trâu bò 3 (Phượng)	Ngoại sản (Hung) 4 KTNPTB cho trâu bò (Phượng) 4	Ngoại sản (Hung) 4 KT thịt và các SP khác (Quyên) 4	
KTDN63A P.204	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Tin học kế toán (Mai) 3			
CNTT63A1 P.TH	Sáng Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Đồ họa ứng dụng (Quang) 3	Xử lý ảnh với Corel (Thảo) 4	Xử lý ảnh với Corel (Thảo) 4 Đồ họa ứng dụng (Quang) 4	

CNTT63A2 P.TH	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp Xử lý ảnh với Corel (Thảo)	1 3	SD các thiết bị VP (Trường)	4	SD các thiết bị VP (Trường)	4
TT64A1 P.306	Sáng	Sinh hoạt lớp Thủy nông (Bình)	1 4	Cây lương thực (Thọ)	4	Bệnh cây đại cương (Lịch)	4
	Chiều					Cây lương thực (Thọ)	4
CNTY64A1 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp VSV - TN (Hòa)	1 4	CĐ và ĐTH thú y (Vân)	4	Dược lý thú y (Lệ)	3
	Chiều					Kỹ thuật truyền giống (Quyên)	4
CNTY64A3 P.202	Sáng	Sinh hoạt lớp Dược lý thú y (H.Nga)	1 2	CĐ và ĐTH thú y (Lệ)	4	Dược lý thú y (H.Nga)	4
	Chiều					Dược lý thú y (H.Nga)	4
KTDN64A1 P.103	Sáng	Sinh hoạt lớp Lý thuyết TCTT (T.Huyền)	1 4	Soạn thảo VB (Sơn)	4	Tin học (Thảo)	4
	Chiều					Kế toán DN1 (Q.Mai)	4
KTDN64A2 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp Nguyên lý Marketing (Sơn)	1 4	Lý thuyết TCTT (P.Thảo)	4	Tin học (Trường)	4
	Chiều					Soạn thảo VB (H.Nga)	4
CNTT64A1 P.305	Sáng	Sinh hoạt lớp Cấu trúc máy tính (Hà)	1 4	Mạng máy tính (Trường)	4	Tiếng anh CN (Phiên)	4
	Chiều					Mạng máy tính (Trường)	4
CNTT64A2 P.A202	Sáng	Sinh hoạt lớp Mạng máy tính (Quang)	1 4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Tổ chức QLDN (T.Thảo)	4
	Chiều					Cấu trúc máy tính (Hà)	4
ĐCN63A1 P.A102	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	4
ĐCN63A2 P.A103	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp Kỹ thuật ĐKTĐ (Giáp)	1 3	Trang bị điện (Nga)	4	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4

ĐCN64A1 P.A102	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Khí cụ điện (Nga)	1 4	Máy điện (Tuấn)	4	Máy điện (Tuấn)	4	Truyền động điện (Đ.Đức)	4	Tiếng anh (Linh)	4	(P.302)
	Chiều											
ĐCN64A2 P.A103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Máy điện (Giáp)	1 4	Đo lường điện (A.Đức)	4	Truyền động điện (Nga)	4	Máy điện (Giáp)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	(P.303)
	Chiều											
ĐCN64A3 P.A301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Truyền động điện (Hòa)	1 4	Máy điện (Dương)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Máy điện (Dương)	4	Máy điện (Dương)	4	
	Chiều											
ĐCN 63B	Sáng			Cung cấp điện (Huân)	4					Trang bị điện (Nga)	4	
	Chiều	Kỹ thuật ĐKTĐ (Dương)	4			Trang bị điện (Nga)	4	Kỹ thuật ĐKTĐ (Dương)	4			
ĐCN64B	Sáng	Máy điện (Huân)	4	Khí cụ điện (Đ.Đức)	4	Máy điện (Huân)	4	Truyền động điện (Hòa)	4	Máy điện (Huân)	4	
	Chiều											
TL64B	Sáng	Trắc địa (N. Đức)	4	QLVH tưới tiêu (Huyền)	4	Bê tông cốt thép (Hòa)	4	Trắc địa (N. Đức)	4	Bê tông cốt thép (Hòa)	4	
	Chiều											
KTDN64B	Sáng	Tài chính DN (Dung)	4	Lý thuyết kế toán (T.Thảo)	4	Soạn thảo văn bản (Mai)	4	Soạn thảo văn bản (Mai)	4	Luật kinh tế (Nga)	4	
	Chiều											
CBBQ64	Sáng	CB Surimi (Năm)	4	Thu mua, BQ, VCNVL	4	An toàn lao động (Ánh)	4	CB Surimi (Năm)	4	Thu mua, BQ, VCNVL	4	
	Chiều			(Liên)						(Liên)		
ĐKTĐ63	Sáng											
	Chiều	Điều động tàu 2 (Trung)	4	Điều động tàu 2 (Trung)	4	Điều động tàu 2 (Trung)	4	Địa văn hàng hải (Tiến)	4			
KTMĐT64	Sáng	KT điện - điện lạnh (Tiến)	4	KT điện - điện lạnh (Tiến)	4	KT điện - điện lạnh (Tiến)	4	Tiếng anh CN A1	4	Cơ kỹ thuật (N.Đức)	4	
	Chiều							(T.Nhung)				

NTTS64	Sáng	SX giống cá biển (Ảnh) 4	SX giống cá biển (Ảnh) 4	DD thức ăn trong NTTS (Năm) 4	SX giống cá biển (Ảnh) 4	SX giống cá biển (Ảnh) 4
	Chiều					

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ LỚP		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
TT63A2 P.305	Sáng	Thực tập cơ bản (Hương) 4	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1 Thực tập cơ bản (Hương) 4	Thực tập cơ bản (Hương) 4
	Chiều	Thực tập cơ bản (Hương) 4	Thực tập cơ bản (Hương) 4	Thực tập cơ bản (Hương) 4
TT64A2 P.305	Sáng	Cây lương thực (Thọ) 4	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1 GDTC (Thúy) 4	Côn trùng chuyên khoa (Bình) 4
	Chiều	Cây lương thực (Thọ) 4	GDTC (Thúy) 4	Côn trùng chuyên khoa (Bình) 4
TT64A3 P.304	Sáng	GD chính trị (Thắm) 2 GDTC (Hà) 2	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1 Sinh lý TV (Bình) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4
	Chiều	Tin học (Thoa) 4	Sinh lý TV (Bình) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4
CN63A2 P.303	Sáng	KTNPTB cho gà vịt (Duyên) 4	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1 KT thịt và các SP khác (Phượng) 4	KTNPTB cho gà vịt (Duyên) 4
	Chiều	Ngoại sản (Lệ) 4	KTNPTB cho gà vịt (Duyên) 4	Ngoại sản (Lệ) 4
CN64A2 P.304	Sáng	GD chính trị (Thắm) 2 GDTC (Hà) 2	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1 Giống vật nuôi (Hằng) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4
	Chiều	Tin học (Thoa) 4	GP sinh lý vật nuôi (H.Nga) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4

KT-HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 39: từ ngày 05/05/2025 đến ngày 11/05/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH62B1 P.303	Sáng					Hóa học (Hà) 4
VH62B3 P.201	Sáng	GDKT và PL (Quyên) 2 (Ôn tập)		Toán (Nhưng) 4 (Ôn tập)	Địa lý (Thủy) 4	Vật lý (Hòa) 4
	Chiều	Lịch sử (Dự) 2 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)		Ngữ văn (Hằng) 4	Địa lý (Thủy) 4
VH62B4	Sáng	Ngữ văn (Hằng) 4		GDKT và PL (Quyên) 2 (Ôn tập)	Toán (Nhưng) 2 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)
	Chiều	Toán (Nhưng) 4	Hóa học (Vân) 4	Lịch sử (Hà) 4	Lịch sử (Hà) 2 (Ôn tập)	Lịch sử (Hà) 2 (Ôn tập)
VH62B5 P.104	Sáng		Ngữ văn (Hằng) 2 (Ôn tập)		Ngữ văn (Hằng) 4	Vật lý (Vân)
	Chiều	Địa lý (Ngọc) 4	Địa lý (Ngọc) 2 (Ôn tập)	Lịch sử (Dự) 2 (Ôn tập)	Toán (Quý) 2 (Ôn tập)	
VH63B1	Sáng	HĐTN (Nhưng) 1 CĐ Lịch sử (Hà) 4		Ngữ văn (Hằng) 5	GDKT và PL (Đ.Thủy) 5	
	Chiều		Địa lý (Thủy) 4			Địa lý (Thủy) 4
VH63B3 P.203	Sáng	HĐTN (Hà) 1 Hóa học (Hà) 3	Ngữ văn (Hương) 3 CĐ Ngữ văn (Hương) 2	Sinh học (Phượng) 2 Ngữ văn (Hương) 3	CĐ Lịch sử (Dự) 3 CĐ Địa lý (Chung) 2	CĐ Địa lý (Chung) 3 CĐ Ngữ văn (Hương) 2
	Sáng	HĐTN (Dự) 1 Hóa học (Vân) 3	Địa lý (Chung) 5	CĐ Ngữ văn (H.Hà) 2 CĐ Địa lý (Chung) 3	Địa lý (Chung) 3 Lịch sử (Dự) 2	CĐ GDKT và PL (Quyên) 3 Địa lý (Chung) 2

VH63B5 P.A101	Sáng		Lịch sử (Dự) 3 CĐ Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hương) 2 CĐ Lịch sử (Dự) 3	Toán (Trang) 5	Ngữ văn (Hương) 3 CĐ Ngữ văn (Hương) 2
VH63B6 P.302	Sáng	HĐTN (Hoà) 1 Ngữ văn (Hương) 4		CĐ Lịch sử (Dự) 2 GDKT và PL (Quế) 3	Địa lý (Nhài) 5	GDKT và PL (Quế) 3 CĐ Lịch sử (Dự) 2
VH63B7 P.301	Sáng	HĐTN (Nga) 1 Lịch sử (Dự) 3	Ngữ văn (H.Hà) 2 CĐ Ngữ văn (H.Hà) 3		Toán (Quý) 3 CĐ Ngữ văn (H.Hà) 2	CĐ Địa lý (Nhài) 5
VH63B8 P.204	Sáng	HĐTN (K.Nhung) 1 Sinh học (Phượng) 3	GDKT và PL (Quế) 3	Địa lý (Nhài) 2 CĐ Địa lý (Nhài) 3	Ngữ văn (Hương) 3 Vật lý (Hoà) 2	Toán (Thảo) 4
	Chiều		Lịch sử (Dự) 4		CĐ Lịch sử (Dự) 4	Lịch sử (Dự) 4
VH64B1	Chiều	HĐTN (Hằng) 1 Ngữ văn (Hằng) 3	CĐ Địa lý (Thủy) 4	Toán (Hương) 4	Vật lý (Vân) 4	Toán (Hương) 4
VH64B2 P.306	Chiều	HĐTN (Nhung) 1 GDKT và PL (Nga) 3	Địa lý (Chung) 4	Ngữ văn (H.Hà) 2 Sinh học (Hồng) 2	Toán (Trang) 2 Lịch sử (Nhung) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2 Lịch sử (Nhung) 2
VH64B3 P.A202	Chiều	HĐTN (Vân) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	Toán (Quý) 4	Ngữ văn (Hương) 4	CĐ Địa lý (Thủy) 4	Vật lý (Hoà) 2 Ngữ văn (Hương) 2
VH64B4 P.A101	Chiều	HĐTN (H.Nga) 1 Địa lý (H.Nga) 3	Hóa học (Hà) 2 GDKT và PL (Đ. Thủy) 2	Toán (Trang) 4	Ngữ văn (Hương) 4	Lịch sử (Nhung) 2 CĐ Địa lý (H.Nga) 2
VH64B5 P.A301	Chiều	HĐTN (Hoà) 1 GDKT và PL (Thắm) 3	Lịch sử (Nhung) 4	Ngữ văn (Lý) 4	Lịch sử (Nhung) 2 Toán (Trang) 2	Toán (Trang) 2 Địa lý (Nga) 2
VH64B6 P.103	Chiều	HĐTN (H. Hà) 1 Toán (Quý) 3	Địa lý (Nhài) 4	Hoá học (Hà) 4	Địa lý (Nhài) 4	GDKT và PL (Quyên) 4

VH64B7 P.101	Chiều	HĐTN (Dự)	1	GDKT và PL (Đ. Thúy)	2	Sinh học (Phượng)	2	Toán (Thảo)	4	Ngữ văn (Hương)	2
		Lịch sử (Nhưng)	3	Ngữ văn (Hương)	2	Lịch sử (Nhưng)	2			GDKT và PL (Đ. Thúy)	2
VH64B8 P.102	Chiều	HĐTN (Phiên)	1	GDKT và PL (Nga)	4	Lịch sử (Nhưng)	2	Địa lý (Chung)	4	Ngữ văn (Lý)	4
		Sinh học (Hồng)	3			Hóa học (Vân)	2				

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu

